

Bản án số: 206/2023/DS-PT
Ngày 27-02-2023
*Về việc “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên
Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Khắc Vương
Ông Trần Nam Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 27 tháng 02 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ
lý số: 488/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3708/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm
2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2023/QĐ-PT ngày
18 tháng 01 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H. (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Mạnh Hoàng S. (Có mặt)

Địa chỉ: Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang B. (Có mặt).

Địa chỉ: phường X, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt khi
Tòa án xét xử vụ án, vắng mặt khi Tòa án tuyên án).

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2022 của bà Phạm Thị H và lời
trình bày của người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Mạnh Hoàng S:

Bà H và ông B có quen biết lâu năm nên trong năm 2018, 2019 bà H đã nhiều lần cho ông B vay tiền, mỗi lần vay đều viết giấy vay hoặc ký xác nhận. Khi ông B thanh toán bà H sẽ gạch bỏ hoặc trả lại giấy vay cho ông B. Đến nay ông B còn nợ bà H các khoản vay trong tháng 3/2018, gồm: ngày 14/03/2018, ông B vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, khi ông B viết giấy vay ông B đề nghị vay thêm 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, được bà H đồng ý nên ông B ghi cộng thêm 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và ký tên, tổng cộng ngày 14/3/2018 vay 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng. Đến ngày 20/3/2018 ông B vay 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, bà H đã chuyển tiền cho ông B nhưng chưa ký nhận, đến ngày 25/3/2018 ông B vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng nên khi giao tiền thì bà H đã viết luôn hai khoản vay rồi giao cho ông B ký xác nhận. Tổng cộng từ ngày 14/3 đến ngày 25/3/2018 bà H đã cho ông B vay 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, thỏa thuận thời hạn vay một năm, lãi suất 02%/tháng. Đến hạn trả nợ bà H đòi nợ thì ông B cam kết cuối năm 2020 sẽ trả đủ gốc và lãi. Do bà H liên tục đòi nợ nên tháng 12/2020 ông B đề nghị trả trước 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền lãi. Do ông B chỉ trả một tháng rồi ngưng nên bà H khởi kiện, sau khi khởi kiện ông B tiếp tục trả thêm ba lần, mỗi lần 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, tổng cộng ông B đã trả 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng tiền lãi. Ông B có đề nghị trừ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng vào nợ gốc còn 10.000.000 (mười triệu) đồng trả lãi nhưng bà H không đồng ý vì ông B đã vi phạm cam kết.

Nay bà H yêu cầu ông B thanh toán số tiền vay 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và tiền lãi 02%/tháng tính từ ngày 01/02/2021 cho đến khi trả xong nợ. Tiền lãi từ khi vay cho đến tháng 12/2020 tổng cộng 32 tháng 960.000.000 (chín trăm sáu mươi triệu) đồng nhưng bà H đồng ý chỉ nhận 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng ông B đã trả, không yêu cầu trả số tiền lãi còn thiếu.

Bị đơn ông Nguyễn Quang B trình bày:

Ông và bà Phạm Thị H có mối quan hệ quen biết làm ăn lâu năm với nhau. Việc cho vay tiền là để đáo hạn ngân hàng qua lại giữa hai bên, khi ông cần tiền thì bà H đưa, khi bà H cần thì ông sẽ giao cho bà H để xử lý công việc. Ông xác định ngày 14/3/2018 có vay của bà H 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng (lúc đầu là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, khi ký giấy nợ lấy thêm 100.000.000 (một trăm triệu) đồng), ngày 20/3/2018 bà H đưa cho ông 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng để sử dụng đáo hạn ngân hàng cho khách hàng. Thông thường khách hàng vay sẽ thanh toán trong thời gian vài ngày và ông cũng sẽ trả ngay cho bà H, lãi suất vay tính 0,5%/ngày. Tuy nhiên, lần vay này khách hàng không có khả năng trả nên sau đó bản thân ông đã phải sử dụng nguồn tiền cá nhân để trả cho bà H mỗi tháng 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, trả từ tháng 4/2018 cho đến khoảng tháng 10/2020 thì ngưng (không biên nhận). Tháng

12/2020 bà H nhiều lần điện thoại và sau đó đến gặp trực tiếp ông đòi nợ, ông trả lời tiền ông đã trả thì bà H xác nhận với ông “*trả gốc chưa trả lãi*” nên sau đó ông chuyển trả cho bà H 04 lần, mỗi lần 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng qua ngân hàng.

Giấy vay tiền do bà H cung cấp ông xác định phần trên từ “*Hôm nay ngày 14/3/2018.....đến (một trăm triệu đồng)*” do ông ghi và ký tên. Phần nội dung “*Ngày 20/3/2018 B lấy thêm 400T (Bốn trăm triệu đồng), ngày 25/3/2018 lấy thêm 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng)*”, thực tế ông chỉ vay 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, còn khoản 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là bà H ghi thêm vào khoảng trống trước chữ ký của ông.

Như vậy, ông B thừa nhận vay của bà H 1.000.000.000 (một tỉ) đồng vào ngày 14/3/2018 và ngày 20/3/2018 nhưng ông đã trả đủ. Ông không nhận khoản vay 500.000.000 đồng ngày 25/3/2018. Việc bà H tự ghi vào phần giấy trống trước chữ ký của ông là không hợp pháp làm xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông và sử dụng giấy vay để khởi kiện ông là vô lý. Ông không còn nợ tiền bà H, hơn nữa ngày 21/02/2021 bà H mới khởi kiện ông là đã hết thời hiệu nên ông không đồng ý với yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc, về tiền lãi: yêu cầu ông B trả lãi từ 23/02/2021 cho đến khi trả xong dứt khoản nợ; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 3708/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Quang B;

Ông Nguyễn Quang B có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 147.500.000 đồng, tổng cộng 1.647.500.000 (một tỉ sáu trăm bốn bảy triệu năm trăm ngàn) đồng.

Về tiền lãi: ông Phạm Quang B phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2022 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

-Ngày 04/10/2022, ông Nguyễn Quang B nộp đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 3708/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông B có ý kiến:

-Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ. Ông B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành đối chất giữa ông với bà H, không đưa ông Triều (không biết rõ họ tên) là người nhận tiền của ông tham gia tố tụng. Tuy nhiên ông B thừa nhận ông T với ông và bà H không có thỏa thuận 3 người nào liên quan đến khoản tiền 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng, đồng thời giữa ông với bà H cũng không có thỏa thuận nào liên quan tới ông Triều hoặc tài liệu chứng cứ nào chứng minh ông Triều có liên quan trong vụ án.

-Giám định chữ viết trên giấy vay tiền có nội dung: “Ngày 20/3/2018 Bình lấy thêm bốn trăm triệu đồng, ngày 25/3/2018 lấy thêm năm trăm triệu đồng” có phải chữ viết của bà H không; không yêu cầu giám định bằng ghi âm do ông cung cấp vì phía nguyên đơn đã thừa nhận là giọng nói trong băng ghi âm là của bà H.

-Xác nhận ông đã nhận được Thông báo đối chất của Tòa án nhân dân thành phố T nhưng không tham gia phiên đối chất.

-Ông B xác định giao dịch giữa ông với bà H đối với khoản tiền bà H đang khởi kiện là việc riêng của ông không liên quan gì đến vợ ông hoặc ai khác, ông chịu trách nhiệm cá nhân về các giao dịch với bà H.

Ông S đại diện cho bà H có ý kiến:

-Chữ viết trong giấy nợ ông B yêu cầu giám định là của bà H nên không cần giám định. Khi Tòa án tiến hành đối chất bà H có mặt và đã trình bày ý kiến đầy đủ nhưng ông B không đến Tòa án.

-Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1].Đơn kháng cáo của ông B nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp thuận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[2]. Xét kháng cáo của ông B.

[2.1]. Văn bản có nội dung vay tiền (vào các ngày 14/3/2018, 20/3/2018 và 25/3/2018) xác định bên vay, nhận tiền là ông Nguyễn Quang B, không ghi tên bên cho vay, giao tiền nhưng theo sự thừa nhận của ông B và bà Phạm Thị H có cơ sở xác định văn bản trên là chứng cứ chứng minh cho giao dịch vay tiền, nhận tiền giữa bà H và ông B, có giá trị như giấy vay tiền.

[2.2]. Xét về nội dung giao dịch vay tiền giữa bà H với ông B.

[2.2.1]. Các đương sự thừa nhận rằng hai bên đã có quan hệ vay tiền nhiều lần, theo thói quen cứ mỗi khi thực hiện xong giao dịch thì bên cho vay (bà H) sẽ gạch xóa giấy vay tiền, nay khoản tiền các bên tranh chấp tại giấy vay tiền (mục [2.1]) vẫn chưa được bà H gạch xóa nên có cơ sở xác định giao dịch vay tiền đến nay vẫn chưa kết thúc.

[2.2.2]. Về khoản tiền vay, tại giấy vay tiền thể hiện:

-Đoạn 1, từ: “*Hôm nay, ngày 14/3/2018 Nguyễn Quang B*” do ông B ghi nội dung và ký tên ghi rõ họ tên xác nhận, khoản tiền vay này là 600.000.000 đồng, ông B đã thừa nhận;

-Đoạn 2, từ: “*Ngày 20/3/2018 B lấy 400 T (bốn trăm triệu đồng)*”, “*ngày 25/3/18 lấy thêm 500.000.000 đồng*” do bà H viết, phía dưới nội dung này là được ông B ký nhận và ghi rõ họ tên, khoản vay này là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Ông B chỉ thừa nhận vay 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, khoản lấy thêm 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng ông cho rằng bà H đã tự ghi chèn thêm vào khoản vay này.

Xét thấy, ông B không thừa nhận số tiền vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng nhưng bà H xác định có khoản vay này nhưng ông B không chứng minh được bà H đã ghi chèn khoản tiền vào giấy vay tiền. Hơn nữa, pháp luật cũng không cấm các bên ghi gộp nhiều khoản vay tại nhiều thời điểm khác nhau vào cùng một giấy nợ.

Bên cạnh đó, sau khi thực hiện các giao dịch trên, hai bên còn tiếp tục thực hiện các giao dịch khác và đã giải quyết xong, đồng thời ông B cho rằng đã trả hết nợ nhưng không xác định được rõ khoản tiền đã trả và không biết về khoản vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là không thuyết phục.

Về nội dung, giấy vay tiền thể hiện nội dung rõ ràng, liền mạch không bị cắt ghép hoặc tẩy xóa nên không có cơ sở để cho rằng số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là do bà H tự ý viết vào trước chữ ký có sẵn của ông Hiệp.

Ông B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với khoản vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là không có thật nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hiệp có vay của bà H khoản tiền 500.000.000 (năm trăm triệu)

đồng và tổng cộng các khoản vay là 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng là có căn cứ.

[2.2.3].Xét, trong số tiền bà H yêu cầu khởi kiện, ông B cho rằng chỉ vay 1.000.000.000 (một tỉ) đồng nhưng đã trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trước ngày 25/3/2018, còn lại số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng được trả dần 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng/tháng bằng tiền mặt, trả góp từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2020 và đã trả đủ nợ gốc nhưng không có chứng cứ chứng minh đã thanh toán phần nợ này nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.4].Về nội dung cuộc nói chuyện giữa bà H với ông B theo bản ghi âm do ông B cung cấp cũng không thể hiện được nội dung bà H xác nhận ông B đã trả các khoản tiền vay của tháng 3/2018.

[2.2.5].Xét việc ông B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

-Đối với yêu cầu giám định chữ viết đối với nội dung: “Ngày 20/3/2018 Bình lấy 400 T (bốn trăm triệu đồng)”, “ngày 25/3/18 lấy thêm 500.000.000 đồng” có phải của bà H hay không là không cần thiết vì cả ông B và bà H đều xác nhận chữ viết nói trên là của bà H.

-Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Thông báo đối chất cho ông B nhưng ông không tham dự, Tòa án cấp sơ thẩm đã lập Biên bản ghi rõ ý kiến của bà H đối với nội dung cần đối chất theo yêu cầu của ông B theo đúng quy định.

Do vậy không có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.2.6].Giấy vay tiền còn nguyên vẹn, chưa bị gạch xoá, hiện bà H vẫn còn giữ, ông B không chứng minh được đã thanh toán phần nợ gốc 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng cho bà H nên ông B phải có trách nhiệm trả khoản nợ gốc cho bà H.

[2.2.7].Về tiền lãi: Cấp sơ thẩm xác định giao dịch giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi suất, do hai bên không xác định thống nhất về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng mức 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và bà H yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 23/02/2021 đến ngày 23/9/2022 cho tròn tháng và mức lãi suất theo quy định của pháp luật bằng 10%/năm là phù hợp và có lợi cho ông B. Từ đó buộc ông B phải trả cho bà H số tiền lãi 147.500.000 (một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng là đúng pháp luật.

[3].Ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật thi hành.

[4].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5].Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông B phải chịu số tiền án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 3708/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Quang B;

Ông Nguyễn Quang B có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng, tiền lãi 147.500.000 (một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, tổng cộng 1.647.500.000 (một tỉ sáu trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về tiền lãi: ông Phạm Quang Bình phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2022 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H được nhận lại 39.900.000 (ba mươi chín triệu chín trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026273 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Quang B phải chịu 61.425.000 (sáu mươi một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông B đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0006107 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thành tiền án phí. Ông B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên